

Bản án số: 25/2023/DS - ST
Ngày: 16 - 02 - 2023.
Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Yên.

Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 16/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 213/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST – DS ngày 19 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Trụ sở: xxx NTMK, phường x, quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P – Tổng Giám đốc theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0301452xxx, đăng ký lần đầu ngày 19/5/1993.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T - Giám đốc xử lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 69/UQ-QLN.22 ngày 20/01/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP A).

Người được ủy quyền lại tham gia quá trình tố tụng: Bà Phan Thị Ngọc Z – Nhân viên xử lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 1051/UQ-CNTL.22 ngày 29/9/2022 của Giám đốc xử lý nợ Ngân hàng TMCP A). Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn LC, xã XC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Dương Hồng Q, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn LC, xã XC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 20/9/2021, Ngân hàng thương mại cổ phần A và chị Nguyễn Thị H đã ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A, các tài liệu khác về việc sử dụng thẻ tín dụng), nội dung chi tiết như sau:

- Số thẻ tín dụng: 4365 99** **** 3952.
- Ngày cấp 21/9/2021.
- Loại thẻ: Vía Platinum (Thẻ tín dụng quốc tế).
- Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng.
- Hiệu lực thẻ: Tháng 9/2024.
- Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, chị Nguyễn Thị H đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó ngày 21/3/2022, Ngân hàng đã chuyển khoản thẻ số 4365 99** **** 3952 sang nợ quá hạn, đồng thời ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng trên.

Theo đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần A xác định: Tính đến ngày 09/01/2023, chị Nguyễn Thị H còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể: 71.915.039 đồng (Bảy mươi một triệu, chín trăm mười lăm nghìn, không trăm ba mươi chín đồng) gồm:

- Dư nợ tính lãi: 49.046.314 đồng.
- Dư nợ không tính lãi: 6.739.488 đồng.
- Nợ lãi: 16.129.237 đồng.

Ngân hàng đề nghị chị H thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín

dụng của A, các tài liệu khác về việc sử dụng thẻ tín dụng) đã ký kết với Ngân hàng ngày 20/9/2021 và tiếp tục chịu lãi theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng thẻ với Ngân hàng kể từ ngày 09/01/2023 cho đến khi trả hết nợ. Ngoài ra, Ngân hàng thương mại cổ phần A xác định giữ nguyên các yêu cầu khi khởi kiện và không sửa đổi, bổ sung hay rút yêu cầu khởi kiện.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị chị Nguyễn Thị H chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Dương Hồng Q – chồng chị H, đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo yêu cầu thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh chị không cung cấp cho Tòa án các ý kiến, quan điểm của anh chị đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và các ý kiến yêu cầu khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không giao nộp các tài liệu chứng cứ có liên quan cho Tòa án.

Tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng thương mại cổ phần A xác định: Tính đến ngày 16/02/2023, chị Nguyễn Thị H còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể: 73.983.047 đồng (Bảy mươi ba triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn, không trăm bốn mươi bảy đồng) gồm:

- Dư nợ tính lãi: 49.046.314 đồng.
- Dư nợ không tính lãi: 6.739.488 đồng.
- Nợ lãi: 18.197.245 đồng.

Do vậy, chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm thanh toán số nợ đối với Ngân hàng là: 73.983.047 đồng (Bảy mươi ba triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn, không trăm bốn mươi bảy đồng) và tiếp tục chịu lãi theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 20/9/2021 với Ngân hàng trên dư nợ thẻ kể từ ngày 16/02/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Anh Dương Hồng Q – chồng chị H không đứng tên vay thẻ tín dụng, không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến khoản vay nên Ngân hàng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với anh Q vì Ngân hàng chỉ yêu cầu chị H thanh toán số nợ theo Hợp đồng thẻ đã ký kết với Ngân hàng.

Ngoài ra Ngân hàng vẫn giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu đã trình bày với Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa sau khi nhận xét, đánh giá quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đã xác định:

Đề nghị Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với chị Nguyễn Thị H về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục:

Chị Nguyễn Thị H là bị đơn, có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại Thôn LC, xã XC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Từ khi ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần A đến hiện nay chị H vẫn đang sinh sống tại địa chỉ trên. Do khoản vay của chị H phát sinh trong thời kỳ hôn nhân với anh Dương Hồng Q nên Tòa án đã đưa anh Q tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo yêu cầu thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với anh Q. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh chị nhưng anh chị không đến Tòa án, không giao nộp cho Tòa án các văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm của anh chị đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Chị H, anh Q đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và giành quyền kháng cáo cho họ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A, các tài liệu khác về việc sử dụng thẻ tín dụng) ngày 20/9/2021: Ngân hàng thương mại cổ phần A đã cung cấp các tài liệu thể hiện việc ký kết, nội dung các thỏa thuận nêu trên là đúng quy định về hoạt động của ngân hàng thương mại quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; phù hợp quy định tại Khoản 7 Điều 16 Quyết định số 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 và Thông tư số 26/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 19/2016/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng. Ngân hàng xác định chị H là người vay Ngân hàng theo hợp đồng thẻ nên yêu cầu chị H trả nợ. Chị Nguyễn Thị H và anh

Dương Hồng Q – chồng chị H, đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo yêu cầu thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng nhưng anh chị không cung cấp cho Tòa án các ý kiến, quan điểm của anh chị đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác. Do vậy trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định: Khi ký kết các thỏa thuận trên chị H và Ngân hàng, hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ tư cách pháp nhân, năng lực hành vi dân sự nên Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A, các tài liệu khác về việc sử dụng thẻ tín dụng) ngày 20/9/2021 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A và chị Nguyễn Thị H là hợp pháp. Người đứng tên trên hợp đồng sử dụng thẻ là chị H và anh Q chồng chị H không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến khoản vay trên nên chị H phải chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên là phù hợp. Theo các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp, chị H còn nợ Ngân hàng số tiền tính đến ngày 16/02/2023 là: 73.983.047 đồng (Bảy mươi ba triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn, không trăm bốn mươi bảy đồng) gồm:

- Dư nợ tính lãi: 49.046.314 đồng.
- Dư nợ không tính lãi: 6.739.488 đồng.
- Nợ lãi: 18.197.245 đồng.

Các yêu cầu của nguyên đơn về dư nợ thẻ và tính lãi quá hạn là phù hợp quy định của pháp luật, các thỏa thuận trong hợp đồng thẻ mà các bên đã tự nguyện ký kết nên được chấp nhận.

Chị H có chồng là anh Dương Hồng Q và chị vay khoản tiền theo thẻ tín dụng đang có tranh chấp trong thời kỳ hôn nhân nhưng hợp đồng chỉ đứng tên cá nhân chị H và Ngân hàng chỉ khởi kiện yêu cầu chị H thanh toán tiền nợ theo thẻ tín dụng đã ký; bản thân anh Q không có ý kiến, yêu cầu gì khác có liên quan dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo yêu cầu thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng nên xác định nếu giữa chị H và anh Q có tranh chấp liên quan đến phân định khoản nợ này giữa anh chị sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tổng tài sản tranh chấp là: 73.983.047 đồng (Bảy mươi ba triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn, không trăm bốn mươi bảy đồng). Án phí là: 73.983.047 đồng x 5% = 3.699.152 đồng (Ba triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, một trăm năm mươi hai đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí.

Ngân hàng thương mại cổ phần A được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.610.000 đồng

(Một triệu, sáu trăm mười nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0047xxx ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Các Điều 26, 35, 39, 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với chị Nguyễn Thị H về việc tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A, các tài liệu khác về việc sử dụng thẻ tín dụng) ngày 20/9/2021.

Tính đến ngày 16/02/2023, chị Nguyễn Thị H còn nợ Ngân hàng số tiền cụ thể: 73.983.047 đồng (Bảy mươi ba triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn, không trăm bốn mươi bảy đồng) gồm:

- Dư nợ tính lãi: 49.046.314 đồng.
- Dư nợ không tính lãi: 6.739.488 đồng.
- Nợ lãi: 18.197.245 đồng.

[2] Buộc chị Nguyễn Thị H phải thanh toán Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền tính đến ngày 16/02/2023 là: 73.983.047 đồng (Bảy mươi ba triệu, chín trăm tám mươi ba nghìn, không trăm bốn mươi bảy đồng). Chị Nguyễn Thị H phải tiếp tục chịu lãi trên dư nợ thẻ tính từ ngày **16/02/2023** theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và

điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A các tài liệu khác về việc sử dụng thẻ tín dụng) ngày 20/9/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 3.699.152 đồng (Ba triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, một trăm năm mươi hai đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần A được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí 1.610.000 đồng (Một triệu, sáu trăm mười nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0047xxx ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo về phần có liên quan trong bản án/.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thanh